

Toàn văn

QUY CHẾ TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/HĐQT-CT ngày 11/8/2008 của Hội đồng quản trị Công ty)

Chương I

Nhiệm vụ quy định chung

Điều 1:

Công ty Cổ phần Thanh hoa Sông Đà là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần hoạt động của Công ty; Công ty có tổ chức pháp nhân, hạch toán kinh tế; Công ty giữ vai trò trung tâm chi phối và liên kết các hoạt động của toàn Công ty từ các xí nghiệp, chi nhánh, các văn phòng đại diện nhằm đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

Điều 2:

1. Các công ty con của Công ty là:

- Công ty con phần có vốn góp chi phí của Công ty.

2. Các Công ty liên kết của Công ty là các Công ty con phần, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty hợp doanh, công ty liên kết có vốn góp không chi phí của Công ty.

Điều 3: Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với:

- Công ty mẹ, bao gồm: Chủ quản Công ty, các đơn vị phụ thuộc

- Người đại diện phần vốn của Công ty và doanh nghiệp khác.

Điều 4: Giải thích từ ngữ:

1. ‘Vốn chi phí hợp’ là vốn góp của tất cả các cổ đông khi thành lập Công ty và vốn tăng lên trong quá trình hoạt động kinh doanh theo điều lệ Công ty, vốn bổ sung để đáp ứng nhu cầu sau thu; và các khoản khác được tính vào vốn chi phí hợp theo quy định của pháp luật.

2. ‘Tài sản của Công ty’ bao gồm: tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các khoản ký cược, ký quỹ); tài sản lưu động (tiền, các tài khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động) mà Công ty có quyền chi m h u s d o n g và đ o n h đ o t t theo quy đ o n h c a p h a p l u t .

3. ‘ Vốn huy động của Công ty’ Là số vốn Công ty huy động theo các hình thức: phát hành trái phiếu; vay của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.

4. ‘ Bỏ toàn vốn tại Công ty ’ là việc góp nguyên không thêm bớt số vốn Công ty trong suốt quá trình kinh doanh.

5. Ban quản lý điều hành Công ty bao gồm Hội đồng quản trị, Ban giám đốc (Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc).

6. Doanh nghiệp khác: là doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Hợp tác xã

7. Vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác là vốn do Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

8. Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác là người đại diện Hội đồng quản trị Công ty cử để tham gia vào ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty.

Điều 5: Vốn và tài sản của Công ty

1. Vốn của Công ty:

- Vốn của Công ty bao gồm vốn do các cổ đông góp, vốn do Công ty tự huy động và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản của Công ty:

Tài sản của Công ty được hình thành từ vốn góp của tất cả các cổ đông, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do Công ty quản lý và sử dụng, bao gồm:

- Tài sản của doanh nghiệp, vô hình, tài sản lưu động của cơ quan Công ty, các khoản vãng lai hạch toán phải thu.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn do Công ty trực tiếp đầu tư

- Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm: vốn của Công ty đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và các doanh nghiệp khác, các khoản đầu tư trái phiếu, tín phiếu dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Chương II

Chức năng tài chính của công ty

Mục I: Quản lý sổ đăng vốn tại công ty

Điều 6:

Vốn Điều lệ của Công ty là số vốn của các cổ đông đầu tư và ghi trong Điều lệ Công ty. Vốn điều lệ do Công ty trực tiếp quản lý và vốn Điều lệ Công ty đầu tư vào Công ty con, công ty liên

kết.

Văn Điều lệ Công ty trực tiếp quản lý giám đốc Văn Điều lệ Công ty trực tiếp quản lý tài chính quan Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Điều 7:

Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong việc sử dụng vốn và quản do Công ty quản lý.

1. Công ty được quyền chi dùng số dùng các loại vốn, các quản do Công ty quản lý vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ động và báo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo quy định của nhà nước có liên quan đến Công ty như các chi phí, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.

2. Trường hợp Công ty sử dụng các quản do Công ty quản lý khác với mục đích sử dụng quản đã quy định thì Công ty phải đảm bảo đủ nguồn để đáp ứng nhu cầu chi của các quản đó khi có nhu cầu sử dụng. Việc sử dụng vốn, quản để đầu tư xây dựng phải theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 8: Huy động vốn.

1. Công ty được quyền huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để phục vụ cho mục đích hoạt động kinh doanh và chịu trách nhiệm hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả đầy đủ gốc và lãi vay cho chủ nợ theo cam kết.

Việc huy động vốn của các tổ chức và cá nhân nước ngoài theo quy định của Chính phủ về quản lý nợ vay nước ngoài.

Hình thức huy động vốn là phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu, vay vốn, hợp tác kinh doanh và các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật. Việc huy động vốn không được làm thay đổi vị trí của Công ty.

2. Thành quy định phê duyệt hợp đồng vay vốn:

-Đội ngũ điều hành công đồng quy định đồng hợp đồng vay vốn đội ngũ điều hành hợp đồng vay có giá trị từ 50% trở lên trên tổng giá trị còn lại trên sổ kế toán của Công ty được công bố tài quý gần nhất.

-Hội đồng quản trị công ty quy định đồng hợp đồng vay vốn đội ngũ điều hành hợp đồng vay từ 30% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty được công bố tài quý gần nhất.

-Tổng Giám đốc quy định đồng Hợp đồng vay vốn đội ngũ điều hành Hợp đồng vay dưới 30% tổng giá trị còn lại trên sổ kế toán của Công ty được công bố tài quý gần nhất.

Điều 9: Báo toàn vốn Công ty

Công ty có trách nhiệm báo toàn vốn của các công đồng Công ty bằng các biện pháp sau đây:

1. Tìm kiếm biện pháp trong số xu hướng kinh doanh, đầu tư, hoạt động tài chính để số dòng tiền vốn có hiệu quả nhất.

2. Thực hiện đúng chế độ quản lý, số dòng tiền, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

3. Mua báo hiệu tài sản theo quy định của pháp luật;

4. X  lý k p th i giá tr  t n th t, các kho n n  không c  kh  năng thu h i theo Quy đ nh t i Đ u 18 Quy ch  này và trích l p các kho n d  phòng r i ro sau đ y:

a. D  phòng gi m giá hàng t n kho.

b. D  phòng t n th t các kho n đ u t  tài chính.

c. D  phòng các kho n ph i thu khó đòi.

d. D  phòng b o h nh s n ph m, hàng hoá, công tr nh xây l p.

e. D  phòng tr  c p m t vi c làm, thôi vi c.

Vi c trích l p các kho n d  phòng theo quy đ nh c a B  Tài chính.

5. Các bi n pháp khác v  b o toàn v n t i Công ty theo quy đ nh c a Ph p lu t.

Đ u 10: Công ty th c hi n qu n lý v n và tài s n c a Công ty theo quy đ nh d i đ y:

1. Công ty th c hi n đ u t  v n đ u t  vào công ty con và công ty liên k t, Công ty ch u trách nhi m v  c c kho n n  và nghĩa v  tài s n khác c a công ty con trong ph m vi s  v n c a Công ty đ u t  vào công ty con và công ty liên k t.

2. Công ty không đ u chuy n tài s n gi a các công ty con và công ty liên k t theo ph ng th c không thanh toán.

3. Công ty không trực tiếp rút vốn đã đầu tư vào công ty con và công ty liên kết. Việc rút vốn chủ yếu thực hiện thông qua phương thức bán lại số đã đầu tư cho cá nhân, pháp nhân khác.

4. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty bao gồm:

- Góp vốn để thành lập Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, Công ty hợp danh, Công ty liên doanh, Công ty liên kết; góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;

- Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty liên doanh, Công ty hợp danh;

- Mua lại một Công ty khác;

- Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi;

- Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

5. Tham quyền quy định đầu tư tài chính như sau:

- Đối với đồng nghiệp cổ đông phê duyệt đầu án góp vốn của Công ty để thành lập mới các Công ty cổ phần, Công ty TNHH. Quy định các đầu án của Công ty góp vốn, mua cổ phần của Công ty khác, góp vốn liên doanh với việc chi đầu tư ngoài có giá trị lớn từ 50% trở lên trên tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty để công bố với quý gia nhân.

- Hội đồng quản trị công ty quy định các đầu án của Công ty góp vốn, mua cổ phần của Công

ty khác, góp vốn liên doanh với chi đầu tư ngoài có giá trị dãi 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty được công bố tại quý gần nhất. Tình hình thực tế Hội đồng quản trị có thể quy định cho Tổng giám đốc quy định những hợp các thể.

6. Công ty không được đầu tư hoặc góp vốn vào các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.

7. Tổng tài sản để làm căn cứ phân bổ thẩm quyền quy định đối với các dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp như bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn của Công ty được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 5 trên đây.

Mục II: Quản lý số nợ tài sản của công ty:

Điều 11: Tài sản cố định, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản:

1. Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình theo quy định về tiêu chuẩn tài sản cố định của Bộ Tài chính.

2. Thẩm quyền quy định đối với các dự án đầu tư như sau:

- Đối với những công đồng quy định các dự án đầu tư có giá trị từ 50% trở lên trên tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty được công bố tại quý gần nhất, và các dự án theo quy định của Pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

- Hội đồng quản trị quy định các dự án đầu tư có giá trị dãi 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty công bố tại quý gần nhất

-Hội đồng quản trị phân công phê duyệt các dự án đầu tư của Công ty để quy định chế độ phân công đầu tư của Công ty.

Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Công ty và cổ đông về tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư.

3.Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật và quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

Điều 12: Khu vực hao tài sản cố định:

Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty đầu tư phải trích khấu hao, gồm cả tài sản cố định không còn dùng, chờ thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định thuộc công trình phúc lợi, công cộng, nhà ở. Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì không phải trích khấu hao.

Tổng giám đốc quy định mức trích khấu hao theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải đảm bảo bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không được thấp hơn mức quy định của Bộ Tài chính.

Điều 13: Cho thuê, thuê chấp, cầm cố tài sản cố định:

1.Công ty được quyền cho thuê, thuê chấp, cầm cố tài sản cố định của Công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

Đội ngũ cổ đông quy định mức định cho thuê, thuê chấp, cầm cố tài sản cố định có giá trị từ 50% trở lên trên tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty để công bố tài sản quý gần nhất.

Hội đồng quản trị công ty quy định doanh nghiệp cho thuê, thanh chấp, cầm cố tài sản còn lại có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty quy định doanh nghiệp cho thuê, thanh chấp, cầm cố tài sản bằng quy định chi tiết.

2. Việc sử dụng tài sản cho thuê, thanh chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định khác của Nhà nước.

Điều 14: Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn:

1. Công ty được quyền chi tiêu và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn.

2. Thủ tục quy định quy định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

-Đội ngũ kiểm soát nội bộ quy định phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị từ 50% trở lên trên tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ sách kế toán của Công ty được công bố tới quý gần nhất.

-Hội đồng quản trị công ty được quy định phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty được công bố tới quý gần nhất. Hội đồng quản trị có thể phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc quy định bằng văn bản riêng.

3. Việc nhượng bán tài sản cố định được thực hiện thông qua thị trường bán đấu giá hoặc do Công ty tự thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Điều 15: Quy định lý hàng tồn kho:

1. Hàng hoá tồn kho là hàng hoá mua và để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật tư liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, số nợ phải trả đang đang trong quá trình sản xuất, số nợ phải trả hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. Công ty có trách nhiệm xử lý ngay những hàng tồn kho kém, mất phẩm chất, ỉu c hủu mất, ỉu c hủu không thu được, ố đường, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thu được có thể thu hồi được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Điều 16: Quy định các khoản nợ:

1. Quy định nợ phải thu:

- Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ.

- Mọi số theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ: thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi).

- Công ty định kỳ quy định bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật, gồm các nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thoả thuận.

-Nợ phải thu khó đòi và các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc các chủ nợ hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán Công ty phải trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Khoản 4 - Điều 9 Quy chế này.

Nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Công ty có trách nhiệm xử lý. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trích tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính. Nếu còn thiếu, thì được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

Nợ không có khả năng thu hồi sau khi xử lý xong trên Công ty vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và tiếp tục thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của Công ty.

Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định tại khoản này thì Tổng giám đốc chịu trách nhiệm như báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty. Nếu vì không xử lý kịp thời dẫn đến thiệt hại Công ty thì phải chịu trách nhiệm trước các cổ đông

Phân cấp xử lý các khoản nợ khó đòi như xử lý tiền thất tài sản (Điều 18 quy chế này)

2.Quản lý các khoản nợ phải trả

Công ty có trách nhiệm:

-Mức số theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả và các khoản lợi phải trả .

-Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán của Tổng công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn

trong thanh toán nợ để có giá trị pháp lý các khoản chi phí không để phát sinh các khoản nợ quá thời hạn;

-Đội ngũ các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ Công ty phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của số nợ phải trả vào chi phí kinh doanh trong kỳ để tạo nguồn nợ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá vào chi phí làm cho kết quả của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để không bị lỗ, nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ phải trả trong năm đó.

Điều 17: Kiểm kê tài sản.

Công ty phải thực hiện kiểm kê, xác định số lượng tài sản (tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn), để chi trả các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quy định phân chia tách, sát nhập, sáp nhập, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Công ty. Đối với tài sản thiêu, nếu không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường và xử lý theo quy định.

Điều 18: Xử lý tài sản tồn thất:

Tồn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiêu hủy, hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu mất, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho để ngỏ kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty phải xác định giá trị đã bị tồn thất, nguyên nhân trách nhiệm và xử lý như sau:

1. Nếu nguyên nhân do chủ quan thì người gây ra tồn thất phải bồi thường.

2. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tồn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

3. Giá trị tài sản tồn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiêu hủy được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp

quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phải trích uđồng c hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

4. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty không thể khắc phục thì Công ty phải lập phương án xử lý khẩn trương để hạn chế tổn thất và các quan có thẩm quyền.

5. Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tiền thất tài sản, trích lập dự phòng các khoản tiền thất tài sản không đồng c xử lý. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trích lập dự phòng báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

6. Công ty phân cấp xử lý như sau:

- Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường tiền thất vật tài sản mức độ tiền thất của một vụ việc với giá trị từ 30 triệu đồng trở lên và thuộc trách nhiệm vụ quyết định của mình.

- Tổng giám đốc quyết định mức bồi thường tiền thất vật tài sản với mức độ tiền thất của một vụ việc với giá trị từ 30 triệu trở xuống. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm vụ quyết định của mình.

Điều 19: Đánh giá lợi tài sản:

1. Công ty thực hiện đánh giá lợi tài sản trong các trường hợp sau:

a. Thực hiện chuyển đổi sản phẩm, bán hàng đa dạng hoá hình thức sản phẩm Công ty hoặc một bộ phận của Công ty.

b. Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty.

c. Việc đánh giá lại tài sản phải theo giá thực tế tại thời điểm. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định như tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Mục III. Quy định doanh thu, chi phí của công ty.

Điều 20: Doanh thu:

Doanh thu của Công ty gồm doanh thu hoạt động kinh doanh, doanh thu hoạt động khác của công quan Công ty và khoản vãng lai hạch toán phát sinh của Công ty.

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gồm doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường và doanh thu hoạt động tài chính:

a. Doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ, thu phí của Công ty.

b. Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản thu phát sinh từ tiền bán quyên, cho các bên khác sử dụng tài sản của Công ty, lãi tiền cho vay vãng lai, lãi tiền gửi, chiết khấu, lãi bán trả góp, khuyến mại hàng trả bán hàng theo hợp đồng của các nhà cung cấp, lãi cho thuê tài chính, thu phí bảo lãnh; chênh lệch do bán ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vãng lai và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư ra ngoài Công ty.

2. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ nguồn thanh lý, nhượng bán tài sản của doanh nghiệp, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nộp phải trả nay mới chấp nhận ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác.

Điều 21: Chi phí hoạt động kinh doanh:

Chi phí của Công ty gồm chi phí của hoạt động kinh doanh, chi phí hoạt động khác của Công ty và tiền vốn phải thu của Công ty.

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty và các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, bao gồm:

1. Chi phí sản xuất kinh doanh:

a. Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;

b. Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định tại Điều 12 Quy chế này;

c. Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động thực hiện theo hợp đồng của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội; tham quy định quy định về phân cấp tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

d. Kinh phí báo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, báo hiểm y tế cho người lao động phải nộp theo quy định;

e. Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh, nhưng mức tối đa không quá 10% tổng số các khoản chi phí hợp lý.

f. Chi phí bằng tiền khác gồm:

-C c kho n thu  tài nguyên, thu  đ t, thu  m n b i.

-Ti n thuê đ t.

-Tr  c p th i vi c, m t vi c cho ng  i lao đ ng;

-Đào t o nâng cao năng l c qu n lý, tay ngh  c a ng  i lao đ ng.

-Chi cho công tác y t , chi nghiên c u khoa h c, nghiên c u đ i m i công ngh ;

-Th  ng s ng ki n c i ti n, th  ng tăng năng xu t lao đ ng, th  ng ti t ki m v t t  và chi ph . M c th  ng do T ng gi m đ c quy t đ nh căn c  vào quy ch  và hi u qu  các vi c trên mang l i nh ng không đ  c cao h n s  ti t ki m chi ph  do các vi c đ  mang l i trong năm;

-Chi ph  lao đ ng n ;

-Chi ph  cho công tác b o v  môi tr ng;

-Chi ph   n ca cho ng  i lao đ ng;

-Chi ph  cho công tác Đ ng, đ n th  t i Công ty (ph n chi ngoài kinh ph  c a t  ch c Đ ng, đ n th  đ  c chi t  ngu n quy đ nh);

-Chi ph  l y ý ki n chuy n gia t  v n trong tr ng h p H i đ ng qu n tr  th  y c n thi t tr c quy t đ nh các v n đ  quan tr ng.

-Các khoản chi phí b ng t n khác;

g.Gi  tr  tài s n t n th t th c t , n  ph i thu không c  kh  năng thu h i theo quy đ nh t i Đ u u 18 Quy ch  này.

h.Gi  tr  các khoản d  phòng gi m gi  hàng hoá t n kho, d  phòng n  ph i thu khó đòi, d  phòng m t vi c làm, thôi vi c, trích l p theo quy đ nh t i Khoản 4 - Đ u u 9 Quy ch  này, chênh l ch t  gi  theo s  d  khoản n  vay dài h n b ng ngo i t  chi phí trích tr  c b o hành s n ph m, các khoản d  phòng theo quy đ nh c a pháp lu t đ i v i doanh nghi p ho t đ ng trong lĩnh v c đ c thù.

i.Chi phí ho t đ ng tài chính, bao g m: các khoản chi phí liên quan đ n đ u t  ra ngo i Công ty, t n l i ph i tr  do huy đ ng v n, chênh l ch t  gi  khi thanh toán, chi phí chi t kh u thanh toán, chi phí cho thuê tài s n, d  phòng gi m gi  các khoản đ u t  dài h n.

2.Chi phí khác, bao g m:

-Chi phí nh  ng bán, thanh lý tài s n c  đ nh (bao g m c  gi  tr  c n l i c a tài s n c  đ nh khi thanh lý, nh  ng bán).

-Chi phí cho vi c thu h i các khoản n  đ  xo  s  k  toán.

-Chi phí thu t n ph t;

-Chi phí v  t n ph t do vi ph m h p đ ng;

-Các chi phí khác.

3. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác để mua hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

-Chi phí mua sắm xây dựng, lập đất tài sản để hình thành, vô hình;

-Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của các khoản đầu tư xây dựng phát sinh trước khi đi đến công trình vào sổ đỏ;

-Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ;

-Các khoản tiền phạt vi phạm pháp luật không mang danh Công ty do cá nhân gây ra.

Điều 22: Quy định lý chi phí

1. Công ty phải quy định chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí và giá thành sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận bằng các biện pháp quản lý sau đây:

- Xây dựng, ban hành thủ tục thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với điều kiện kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của Công ty. Các định mức phải được phê duyệt bởi ban giám đốc và công bố công khai cho người lao động trong Công ty biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát. Trong trường hợp hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại.

- Phải định mức kỹ thuật phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của Công ty nhằm phát

hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

3. Các khoản chi phí được bỏ để chi công tác hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật. Các khoản chi sai, chi không đúng đối tượng hoặc không có công tác, công tác không hợp lệ thì không được hạch toán vào chi phí. Đối với các khoản chi sai nguyên tắc, sai chế độ, người nào quy định chế độ chi, người đó chịu trách nhiệm bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 23: Giá thành sản phẩm hàng hoá, chi phí dịch vụ tiêu thụ.

1. Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá thành sản phẩm hàng hoá bán ra) bao gồm: giá thành sản phẩm, hàng hóa xuất tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá vốn hàng hóa bán ra); chi phí quản lý Công ty phát sinh trong kỳ; chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.

2. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm, chi phí dịch vụ theo quy định như sau:

a. Giá thành sản phẩm xuất sản phẩm dịch vụ gồm:

- Chi phí về nguyên liệu, vật tư, nhiên liệu và đường lối sản xuất trực tiếp cho sản phẩm, dịch vụ.

- Các khoản phụ trợ cho người lao động trực tiếp sản phẩm như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, chi ăn gia ca, chi bồi dưỡng xã hội, bồi dưỡng ý thức và kinh phí công đoàn.

- Chi phí sản phẩm chung: chi phí chung phát sinh từ các phân xưởng, bộ phận kinh doanh của Công ty như: tiền lương, phụ cấp, ăn gia ca, chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác.

b. Giá thành toàn bộ của sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ gồm:

- Giá thành sản xuất của sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ (mức a).

- Chi phí bán hàng: các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá dịch vụ như: tiền lương, các khoản phụ cấp phụ trội cho nhân viên bán hàng, hoa hồng đại lý, hoa hồng môi giới, tiếp thị, đóng gói, vận chuyển, bảo quản, khấu hao tài sản cố định, chi phí vận tải, bảo bì, đóng gói, đóng thùng, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bán hàng khác.

- Chi phí quản lý Công ty: gồm các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và các chi phí chung khác có liên quan đến hoạt động của Công ty.

Toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý được kết chuyển cho sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong năm để xác định kết quả kinh doanh.

Đối với sản phẩm có thời gian sản xuất trên một năm thì chi phí quản lý phát sinh trong năm được phân bổ cho sản phẩm đang.

3. Hình thức toán chi phí đại lý hàng hoá, dịch vụ thu được từ công cụ thu giá trị gia tăng:

- Nếu áp dụng phương pháp khấu trừ thuế thì chi phí không bao gồm tiền thuế giá trị gia tăng đưa vào.

- Nếu áp dụng phương pháp trừ tiếp thì chi phí bao gồm cả tiền thuế giá trị gia tăng đưa vào.

Mức IV. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận

Điều 24: Lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận của Công ty gồm lợi nhuận hoạt động kinh doanh; lợi nhuận từ đầu tư tài chính và lợi nhuận các hoạt động dịch vụ khác.

Lợi nhuận của Công ty gồm lợi nhuận phát sinh từ hoạt động kinh doanh trước khi Công ty bao gồm các lợi nhuận được chia từ doanh nghiệp khác có vốn của Công ty đầu tư. Trường hợp hợp doanh nghiệp được nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trước khi chi lợi nhuận thì Công ty không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản lợi nhuận được chi từ các doanh nghiệp này.

Điều 25: Phân phối lợi nhuận:

1. Lợi nhuận theo hạn của Công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

- a. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; Khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ thì không trích nữa;
- b. Trích lập các quỹ doanh nghiệp: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng.
- c. Số còn lại sau khi lập các quỹ nêu tại điểm a, b, được chia cho các cổ đông.

Điều 26: Các quỹ doanh nghiệp và mục đích sử dụng các quỹ:

1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

a. B   p nh ng t n th t, thi t h i v  tài s n, công n  không  i  c x y ra trong qu  tr nh kinh doanh.

b. B   p kho n l  theo quy  nh.

2. Quy  u t  ph t tri n   c d ng   b  sung v n  i u l  cho Công ty.

3. Quy   khen th ng   c d ng   :

a. Th ng cu i n m ho c th ng k  tr n c  s  n ng xu t lao  ng v  th nh t ch công t c c a m i c n b  CNV trong Công ty.

b. Th ng  t xu t cho nh ng c  nh n, t p th  trong Công ty.

c. Th ng cho nh ng c  nh n v  ngo i Công ty c   ng g p nhi u cho ho t  ng kinh doanh, công t c qu n l  c a Công ty.

M c th ng tr n do T ng gi m  c Công ty quy t  nh sau khi xin   ki n H QT.

4. Quy   ph c l i   c d ng   :

a.  u t  x y  ng ho c s a ch a c c công tr nh ph c l i c a Công ty;

b. Chi cho c c ho t  ng ph c l i công c ng c a t p th  công nh n vi n công ty, ph c l i x  h i.

c. G p m t ph n v n đ  đ u t  xây d ng các công tr nh phúc l i chung trong ngành, ho c v i các đ n v  khác theo h p đ ng.

d. Ngoài ra c  th  s  d ng m t ph n qu  phúc l i đ  tr  c p khó khăn đ t xu t cho nh ng ng i lao đ ng k  c  nh ng tr ng h p v  h u, v  m t s c, l m v o hoàn c nh khó khăn, không n i n ng t a, ho c l m công t c t  thi n x  h i;

e, Chuy n m t ph n sang qu  khen th ng khi c n thi t.

Vi c s  d ng qu  phúc l i do T ng Gi m đ c quy t đ nh, sau khi tham kh o  y ki n c a Công đ n Công ty và tr nh HĐQT phê duy t.

5. Qu  th ng Ban qu n lý, đ u h nh Công ty đ c s  d ng đ  th ng cho H i đ ng qu n tr , Ban T ng Gi m đ c Công ty. M c th ng do H i đ ng qu n tr  Công ty quy t đ nh g n v i hi u qu  ho t đ ng kinh doanh c a Công ty.

6. Vi c s  d ng các qu  n i tr n ph i th c hi n công khai theo quy ch  công khai tài chính và quy ch  dân ch    c  s  và quy đ nh c a Nhà n c.

7. Công ty ch  đ c chi các qu  khen th ng, phúc l i, qu  th ng Ban qu n lý đ u h nh công ty sau khi thanh t n đ  các kho n n  và các nghĩa v  tài s n khác đ n h n ph i tr .

M c V: K  ho ch tài chính

ch  đ  k  t n, th ng kê và ki m t n

Điều 27: Kế hoạch tài chính

Công ty xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Tổng giám đốc công ty chịu trách nhiệm xây dựng Kế hoạch trình Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Công tác kế toán, kiểm toán

Công ty phải thực hiện công tác kế toán, kiểm toán theo đúng quy định của Nhà nước; thực hiện và thực hiện công tác kiểm tra tài chính theo quy định của Bộ Tài chính nhằm phục vụ công tác quản lý và điều hành của Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính của công ty. Thông qua người đi kiểm tra phân vùng nhà nước tại công ty con, công ty liên kết và Ban kiểm soát của công ty con, công ty liên kết, Ban kiểm soát của công ty giúp Hội đồng quản trị quản lý việc sử dụng phân vùng đầu tư vào các Công ty con, công ty liên kết nhằm đảm bảo kinh doanh có hiệu quả nhất.

Điều 29. Báo cáo tài chính của Công ty

Công ty ngoài việc lập báo cáo tài chính phân trình hoạt động kinh doanh của mình phải lập báo cáo tài chính hợp nhất toàn Công ty theo quy định của Bộ tài chính.

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Công ty phải lập, trình bày và gửi Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kê theo đúng quy định của pháp luật. Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm và tính

chính xác, trung thực của báo cáo này .

2. Báo cáo tài chính năm của Công ty bắt buộc thực hiện kiểm toán bởi các tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định hiện hành.

3. Công ty thực hiện công khai tài chính theo quy định của Nhà nước.

4. Thời gian hoàn thành và nộp báo cáo tài chính:

Trong thời hạn 20 ngày sau khi kết thúc quý, 45 ngày sau khi kết thúc 6 tháng và 60 ngày sau khi kết thúc năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính, báo cáo quản trị trong kỳ của Công ty và toàn bộ tập hợp Công ty mẹ - Công ty con. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ thẩm tra các báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu báo cáo tài chính.

5. Công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của Công ty.

6. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 30.

Các hoạt động kinh tế phát sinh được phân ánh bằng Đồng Việt Nam, nếu có phát sinh bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Mục VI: Quy định phân bổ của Tổng Công ty - Công ty con công ty liên kết.

Đi  u 31: Quy n và nghĩa v  c a Công ty đ i v i v n đ u t  vào Công ty con, Công ty liên k t

Công ty c  các quy n và nghĩa v  sau:

1. Quy n c a c  đ ng, thành vi n g p v n, b n li n doanh theo quy đ nh c a Lu t pháp và Đi  u l  c a Công ty con, Công ty liên k t.
2. C  ho c r t ng  i đ i di n ph n v n t i Công ty đ  th c hi n qu n lý ph n v n g p c a Công ty theo quy đ nh c a Ph p lu t và đ i u l  Công ty.
3. Y u c u ng  i đ i di n báo cáo đ nh k  ho c đ t xu t tình hình k t qu  kinh doanh, tình hình tài chính c a Công ty con, Công ty liên k t.
4. Giao nhi m v  và ch  đ o ng  i đ i di n b o v  quy n l i, l i  ch h p pháp c a Công ty. Y u c u ng  i đ i di n báo cáo vi c th c hi n nhi m v , quy n h n và tr ch nhi m c a ng  i đ i di n, nh t l  trong vi c đ nh h ng doanh nghi p c  ph n, v n g p chi ph i c a Công ty th c hi n các m c ti u ch n l c c a Công ty.
5. K m tra gi m s t ho t đ ng c a ng  i đ i di n, ph t hi n nh ng thi u s t, y u kém c a ng  i đ i di n đ ng  n, ch n ch nh k p th i.
6. Quy t đ nh ho c tr nh ng  i c  th m quy n quy t đ nh vi c đ u t  t ng v n ho c thu h i v n Công ty đ u t  vào Công ty con, công ty li n l t ph  h p v i ph p lu t và đ i u l  c a doanh nghi p đ .
7. Ch u tr ch nhi m v  hi u qu  s  đ ng, b o to n và ph t tri n v n Nhà n c đ u t .
8. Gi m s t vi c thu h i v n cho ng  i lao đ ng vay đ  mua c  ph n khi th c hi n c  ph n h a

doanh nghiệp Nhà nước, thu hồi và phân bán cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức phân hóa tại sau Nghị định số 44/1998/NĐ-CP có hiệu lực.

9. Các tài sản chia tại Công ty con, Công ty liên kết, người đi đầu có trách nhiệm yêu cầu Công ty đó chuyển về Công ty.

10. Các hình thức quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 32. Quy định và nghĩa vụ của người đi đầu.

1. Tham gia vào bộ máy quản lý, đi đầu hành của Công ty con, Công ty liên kết theo điều của doanh nghiệp này.

2. Khi được quy định hình thức quy định của đồng, thành viên góp vốn, bên liên kết trong các hợp đồng đầu tư, thành viên góp vốn, các bên liên doanh phải sử dụng quy định đó một cách đúng theo đúng chức năng của đi đầu nhân sự, nhất là trong trường hợp là đồng, bên góp vốn chi phí.

3. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của pháp luật, đi đầu doanh nghiệp. Các hình thức báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của đi đầu nhân sự, nhất là trong trường hợp là đồng, bên góp vốn chi phí.

4. Theo dõi, đơn đặt và các hình thức thu hồi và Công ty tại Công ty con, Công ty liên kết gồm: vốn cho người lao động vay để mua phân, bán cho người lao động, chuyển nhượng các phân của Công ty, thu các tài sản và các khoản đầu tư khác tại vốn góp vào Công ty con, Công ty liên kết.

5. Người đi đầu tham gia ban quản lý đi đầu hành Công ty con, Công ty liên kết phải nghiên cứu, đề xuất phương án, biện pháp hoạt động của mình tại Công ty đó để trình đi đầu nhân sự

họ và phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Đối với hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn hay bên liên doanh như phòng nhân sự, chi nhánh, khách hàng kinh doanh, huy động thêm vốn, vốn góp, chia cổ tức... những đối tượng phải xin ý kiến của đối tượng chức sở hữu vốn trước khi họp và biểu quyết. Trường hợp họp nhiều người đối tượng cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty con, Công ty liên kết thì phải cùng nhau bàn bạc và thông qua ý kiến khi phát biểu và biểu quyết.

6. Những đối tượng doanh nghiệp có vốn góp, góp vốn của Công ty phải có trách nhiệm hàng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, đúng hướng của Công ty. Khi phát hiện doanh nghiệp đi lệch mục tiêu, đúng hướng của Công ty phải báo cáo ngay đối tượng chức sở hữu vốn và đề xuất giải pháp khắc phục. Sau khi được đối tượng chức sở hữu vốn thông qua cần thực hiện ngay để nhanh chóng hàng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, đúng hướng đã xác định.

7. Thực hiện các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, điều lệ doanh nghiệp và đối tượng chức sở hữu vốn giao.

8. Chịu trách nhiệm trước đối tượng chức sở hữu vốn về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp họp thì chịu trách nhiệm, lập danh sách, quy định hạn gây thiệt hại cho đối tượng chức sở hữu vốn thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường theo quy định của pháp luật.

9. Lợi ích được chia từ Công ty con, Công ty liên kết, những đối tượng có trách nhiệm yêu cầu Công ty đó chuyển cho Công ty.

Điều 33. Tindakan, tanggung jawab dan ketentuan lain-lain mengenai urusan.

1. Mereka yang terlibat dalam perusahaan harus mengikuti ketentuan yang berlaku dalam perusahaan, perusahaan anak, perusahaan terkait dan ketentuan lain-lain yang berbeda-beda sesuai dengan ketentuan dalam peraturan perusahaan dan perusahaan tersebut.

2. Mereka yang terlibat dalam perusahaan harus bertanggung jawab terhadap perusahaan lain, perusahaan, tanggung jawab dan ketentuan lain-lain yang berbeda-beda maka perusahaan adalah mereka yang terlibat dalam perusahaan, perusahaan, tindakan tanggung jawab dan ketentuan

đi khác cho người đi đi n.

Điều 34. Tiêu chuẩn của người đi đi n.

Người đi đi n phải là người đi m b o các tiêu chuẩn sau:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và là người của Công ty.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đảm bảo nhiệm vụ.

3. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Người đi đi n quản lý phải liên doanh với nước ngoài phải có trình độ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài.

5. Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với những người đi đi n chỉ số họ, người trong Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp có vốn góp vào doanh nghiệp mà người đi đi n đó được giao trực tiếp quản lý; không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn công ty mà người đi đi n đó được cử trực tiếp quản lý, trừ trường hợp có cấp trên tại doanh nghiệp nhà nước được phân hóa.

6. Người đi đi n con là Công ty mà Công ty sở hữu sở phần trên 50% số vốn đầu tư thì người đi đi n là thành viên Hội đồng quản trị công ty con không được là người liên quan của Công ty có thẩm quyền bổ nhiệm, người quản lý của Công ty.

Người đi đi n tham gia vào Hội đồng quản trị, giám đốc của Công ty con, Công ty liên

kết phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện mà Điều lệ Doanh nghiệp đó quy định.

Điều 35. Phân cấp, quy định mức số vốn để cho người đi đầu:

Công ty căn cứ tình hình thực tế để phân cấp và quy định cho Người đi đầu phân vốn của Công ty, Công ty con, Công ty liên kết để thực hiện quy định mức số vốn để theo từng giai đoạn.

Điều 36. Quy định quy định để nhả tăng giá vốn Công ty, Công ty con, Công ty liên kết.

Việc dùng lợi tức để chia để tăng phần vốn Công ty hoặc giá vốn phần vốn Công ty, Công ty con, Công ty liên kết do Hội đồng quản trị Công ty quy định.

Phân bổ tăng, giá vốn của Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty.

Điều 37. Xử lý vốn thu hồi từ Công ty con, Công ty liên kết.

Số vốn thu hồi khi quy định để nhả bớt phần vốn của Công ty con, Công ty liên kết, hoặc khi Công ty đó bị giải thể, phá sản; thu hồi số tiền cho người lao động vay để mua cổ phiếu khi công nhân hóa doanh nghiệp Nhà nước, công nhân bán cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp Nhà nước công nhân hóa sau Nghị định số 44/1998/NĐ-CP) để xử lý chuyên về Công ty.

Chương III:

Quan hệ tài chính giữa công ty và các Công ty con,

Công ty liên kết, đầu tư và trợ cấp thu cấp.

Điều 38: Quan hệ giữa Công ty với Công ty con là Công ty cổ phần có vốn góp chi phí.

1. Công ty là chủ sở hữu vốn đã đầu tư vào các Công ty con, thực hiện quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cổ đông, bên góp vốn chi phí theo quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty cổ phần và Công ty có vốn góp chi phí của Công ty.

2. Công ty thực hiện quy định và nghĩa vụ của Cổ đông, thành viên góp vốn chi phí thông qua điều lệ của mình tại Công ty con theo quy định của Pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp bỏ chi phí.

3. Công ty có quy định và nghĩa vụ chủ yếu sau:

- Công hoc rút ng i đi di n ph n v n t i công ty đ th c hi n qu n lý ph n v n góp Công ty theo quy đ nh c a pháp lu t và đi u lệ công ty. Ng i đi di n đ c tr c ti p tham gia ng c vào các ch c danh đi u hành qu n lý t i các Công ty con, th c hi n quy n và nghĩa v theo quy đ nh t i Đi u lệ Công ty con;

-Thu i t c và ch u r i ro t ph n v n c a mình i các Công ty con;

-Giám sát, ki m tra vi c s d ng ph n v n đã góp vào các Công ty con thông qua ng i đi i

di n ph n v n.

-Ch u tr ch nhi m v  hi u qu  s  d ng, b o to n và ph t ti n ph n v n đ  g p v o c c C ng ty con.

-Y u c u C ng ty con cung c p c c b o c o, tài li u và th ng tin c n thi t nh  quy đ nh đ  l p b o c o tài chính h p nh t và b o c o t ng h p c a t  h p C ng ty me - C ng ty con.

-C c quy n và nghi a v  kh c theo ph p lu t và Đ i u   C ng ty đ .

4.L i nhu n c a C ng ty c  ph n c  ph n, v n g p chi ph i c a C ng ty đ  c c ph n ph i theo quy t đ nh c a đ i h i đ ng c  đ ng.

5.C ng ty kh ng đ  c c tr c ti p r t v n đ  đ u t  v o C ng ty con đ  i b t k  h nh th c n o nh  : đ i u đ ng v n, đ i u đ ng tài s n kh ng thanh to n ti n.

C ng ty ch  đ  c c r t v n đ i u   th ng qua vi c chuy n nh ng c  ph n hay ph n v n g p cho nh  đ u t  kh c.

6.Vi c d ng c  t c đ  c c chia đ  t ng v n đ u t  v o C ng ty con do H i đ ng qu n tr  C ng ty quy t đ nh.

Đ i u 39: Quan h  gi a C ng ty v i C ng ty li n k t c  v n g p c a C ng ty t  36% v n đ i u   tr  l n.

1.C ng ty th c hi n quy n và nghi a v  c a c  đ ng, th nh vi n g p v n th ng qua đ i di n c a m nh t i c ng ty li n k t theo quy đ nh c a ph p lu t và Đ i u   cu  doanh nghi p.

Công ty chỉ được rút vốn đi u l thông qua việc chuyển nhượng cổ phần hay phân vốn góp cho nhà đầu tư khác.

5. Việc dùng cổ tức hay lợi nhuận được chia để tăng vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

Điều 40: Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên kết có vốn góp của Công ty như sau 36% vốn đầu tư.

1. Công ty thực hiện quy định và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua đại diện của mình tại công ty liên kết theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp.

2. Công ty có thể ngừng đại diện phân vốn của Công ty tại công ty liên kết hoặc Công ty trực tiếp theo dõi số vốn đã đầu tư và số lợi tức được chia từ phân vốn đầu tư vào công ty liên kết.

3. Giám sát, kiểm tra việc sản xuất kinh doanh phân vốn đã góp vào các Công ty liên kết thông qua đại diện phân vốn.

4. Thu lợi tức và chi trả lợi nhuận từ phân vốn góp của mình ở Công ty liên kết.

5. Công ty nhận ủy thác vốn đầu tư của CBCNV

6. Các quy định và nghĩa vụ khác theo pháp luật.

Việc rút vốn đã đầu tư vào Công ty liên kết hay dùng cổ tức, lợi nhuận được chia để tăng vốn đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện như khoản 5,6 - Điều 38 Quy chế này.

Điều 41. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc.

Các đơn vị phụ thuộc Công ty không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản thuộc về đơn vị phụ thuộc sở hữu của Công ty. Công ty có thể phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị phụ thuộc thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác quản lý tài chính và hạch toán kế toán. Việc phân cấp, ủy quyền thực hiện thông qua Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị phụ thuộc được Công ty ban hành bằng văn bản.

Chương IV :

Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị,

Hội đồng giám đốc trong việc quản lý tài chính

Điều 42. Quyền hạn của Hội đồng quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty.

2. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác của Công ty.

3. Trình Đại hội đồng cấp đông dự án đầu tư xây dựng, đầu tư ra ngoài Công ty, phê duyệt án huy động vốn, phê duyệt án nhượng bán tài sản vốn để phân cấp cho Hội đồng quản trị; quyết định tổ chức trích các quỹ doanh nghiệp.

4. Quy định theo thẩm quyền các vấn đề sau:

- Quy định chế độ tiêu tài chính, chi ngân sách phát triển dài hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm của Công ty, định phí thu, quy định phân bổ ngân sách phân bổ kinh doanh của các Công ty con công ty hoặc vốn góp chi phí của Công ty.

- Quy định hình thức đầu tư vay vốn định phí và hình thức đầu tư vay có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty công bố tài quý gần nhất.

- Quy định các dự án của Công ty góp vốn, mua công ty khác, góp vốn liên doanh với chi phí đầu tư ngoài có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty công bố tài quý gần nhất.

- Quy định các dự án đầu tư có giá trị dưới 50% trên tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty công bố tài quý gần nhất, nhưng không quá mức cao nhất của dự án theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

- Quy định phân bổ ngân sách cho thuê, thuê chi phí, chi phí tài sản có giá trị còn lại dưới 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty công bố tài quý gần nhất.

- Quy định phân bổ ngân sách thanh lý, nhượng bán tài sản công ty định có giá trị còn lại dưới 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên sổ kế toán của Công ty công bố tài quý gần nhất.

- Quy định mức bồi thường tổn thất tài sản và mức bồi thường thiệt hại mất vật vi phạm giá trị từ 30 triệu đồng trở lên và trách nhiệm quy định của mình.

- Quy định mức trích vào các quỹ tài trợ nhu cầu còn lại sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp.

-Quy định quy chế quản lý tài chính áp dụng trong Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phê duyệt kế hoạch ngân sách hàng năm và nhu cầu sau thu hoạch xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh do Tổng giám đốc đề nghị trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty và phù hợp quy định của pháp luật.

-Quyết định cho người đi làm phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

-Giám sát việc thu hồi vốn Nhà nước cho người lao động vay để mua cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, thu hồi cổ phần bán cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa tiếp sau khi Nghị định số 64/2002/NĐ-CP có hiệu lực.

Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc thu lợi tức để chia cho doanh nghiệp khác.

5. Thông qua các văn bản sau đây:

-Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và các công ty con do Công ty sở hữu toàn bộ vốn đầu tư;

-Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch ngân sách hàng năm, phân chia lợi nhuận, cổ tức do Người đi làm phần vốn của Công ty trả các Công ty con, công ty liên kết.

-Thông qua nội dung thảo luận, soạn thảo, bổ sung Điều lệ của Công ty con, công ty liên kết theo đề nghị của Người đi làm phần vốn của Công ty trả các công ty con.

Điều 44. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng chịu trách nhiệm trước Hội đồng cổ đông và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị, kết quả và hiệu quả hoạt động của Công ty.

2. Chức trách Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị:

-Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quy định và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của cổ đông;

-Không được lợi dụng chức vụ, quy định hạn chế số dividend, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho, tặng tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào;

-Hàng năm phải báo cáo và kết quả quản lý, giám sát hoạt động của Công ty cho Hội đồng cổ đông.

-Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Quy định hạn chế của Tổng Giám đốc:

1. Quyết định các vấn đề về hợp đồng vay vốn; các dự án đầu tư; hợp đồng cho thuê, thuê chấp, cầm cố tài sản; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản của công ty; mức bồi thường thiệt hại tài sản theo phân cấp, quy định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng Công ty ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế của Công ty. Hội viên các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp thì Tổng Giám đốc chỉ được ký kết sau khi có Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thông qua các đ nh m c lao đ ng, v t t , đ n giá, ti n l  ng và các chi ph  khác c a Công ty con do Công ty s  h u toàn b  v n đ u l  đ  Công ty con ban hành.

4. Đ c  p đ ng các bi n pháp c n thi t trong tr ng h p kh n c p và ph i báo cáo ngay v i H i đ ng qu n tr  và các c  quan nh n c c  th m quy n.

5. Yêu c u ng i  i đ i di n theo pháp lu t c a Công ty con ph i cung c p các báo cáo, tài li u và thông tin c n thi t nh  quy đ nh đ  l p báo cáo tài chính h p nh t và báo cáo t  h p Công ty m  - Công ty con.

Đi u 45. Nghĩa v  và trách nhi m c a T ng Gi m đ c.

1. Xây đ ng đ nh h ng ph t tri n, k  ho ch 5 năm, k  ho ch hàng năm c a Công ty, ph ng  n huy đ ng v n, đ   n đ u t , ph ng  n liên doanh, đ   n t  ch c qu n lý, quy ch  qu n lý n i b  c a Công ty, quy ho ch đào t o lao đ ng, ph ng  n ph i h p kinh doanh gi a các công ty con, công ty liên k t h c v i các doanh nghi p khác tr ng H i đ ng qu n tr  ph  duy t làm c  s  đ  tri n khai th c hi n.

2. Xây đ ng các đ nh m c kinh t -k  thu t, tiêu chu n s n ph m, đ n giá ti n l  ng ph  h p v i quy đ nh c a Nhà n c tr ng H i đ ng qu n tr  ph  duy t, ch  đ o và ki m tra các đ n v  tr c thu c Công ty v  xây đ ng hi u ch nh đ nh m c kinh t , k  thu t, tiêu chu n s n ph m hàng năm; ki m tra vi c th c hi n các đ nh m c, tiêu chu n, đ n giá quy đ nh trong Công ty.

3. T  ch c th c hi n k  ho ch kinh doanh, k  ho ch tài chính, k  ho ch đ u t ; quy t đ nh các gi i  p pháp ph t tri n th  tr ng, ti p th  và công ngh ; đ u hành h t đ ng c a Công ty nh m th c hi n các Ngh  quy t và quy t đ nh c a H i đ ng qu n tr .

Ch ng V

Khen thưởng, kỷ luật

Điều 46. Khen thưởng, kỷ luật.

1. Chế độ khen thưởng, kỷ luật và quy định tài chính đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và trưởng các phòng ban chức năng và thành viên khác trong Công ty được thực hiện theo quy định của Quy chế này và các quy định hiện hành Công ty.

2. Chế độ khen thưởng, kỷ luật và tài chính đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

a, Bổ nhiệm nhiệm trong những trường hợp sau đây:

- Báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty từ hai lần trở lên hoặc mất lòng tin những làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty.

- Để Công ty thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tài suất lợi nhuận trên vốn hai năm liên tiếp hoặc trong tình trạng gần hai năm liên có mất năm lãi hoặc hòa vốn, trừ các trường hợp hợp lý hoặc giảm tài suất lợi nhuận trên vốn do từ chối hời đồng cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc giảm tài suất lợi nhuận trên vốn do từ chối có lý do khách quan được giải trình và đã được cấp quan có thẩm quyền chấp nhận; những năm mất hoặc từ sau khi do từ mất, do từ mất riêng số xuất, đi mới công nghệ mà trong báo cáo khi thi xác định báo.

- Không ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác; không đơn đốc Tổng Giám đốc xây dựng, phê bình và thực hiện các định mức đã ban hành; không thực hiện đánh giá, điều chỉnh các định mức đã ban hành; không thực hiện đánh giá điều chỉnh các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý.

b, Trùng hợp Công ty thua lỗ hoặc tụt sút lợi nhuận trên vốn nhà nước năm sau tiếp hợp năm trước hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận.

c, Trùng hợp Công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng Giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản, Công ty thu hẹp dần thị trường, chuyển đổi sản phẩm mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng Giám đốc tiến hành các thủ tục để chuyển đổi, giải thích hoặc chuyển đổi sản phẩm mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng Giám đốc tiến hành các thủ tục để chuyển đổi, giải thích hoặc chuyển đổi sản phẩm thì các thành viên Hội đồng quản trị bỏ miễn nhiệm.

3. Chế độ khen thưởng, kỷ luật và tài chính đối với Tổng Giám đốc:

a, Bỏ miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

-Báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty hai lần trở lên hoặc mất lòng tin làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty.

-Đã Công ty thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tụt sút lợi nhuận trên vốn hai năm liên tiếp hoặc trong tình trạng giải pháp hai năm liên có mất năm lãi hoặc hòa vốn; thực các trường hợp là hoặc giảm tụt sút lợi nhuận trên vốn dù có lý do khách quan đáng kể giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; nhưng năm mới hoặc tiếp sau khi được tái bổ nhiệm, dù có lý do khách quan đáng kể công nghệ mà trong báo cáo kiểm tra xác định có lỗi.

-Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản; Công ty thu hẹp dần thị trường, chuyển đổi sản phẩm mà không tiến hành các thủ tục để chuyển đổi, giải thích hoặc chuyển đổi sản phẩm.

-Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng quản trị, giao hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

-Không tự chủ xác định các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác để trình Hội đồng quản trị ban hành; không phân bổ ngân sách tài trợ cho chi phí nghiên cứu, không tự chủ thực hiện các định mức; không tự chủ phân tích, đánh giá sơ bộ, bổ sung các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý.

b, Trưởng hợp đồng Công ty thua lỗ hoặc lỗ suýt lỗ nhu cầu trên vốn năm sau giảm hơn năm trước hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận theo quy định của Hội đồng quản trị hoặc chỉ tiêu do Hội đồng quản trị giao, không đảm bảo tiến độ thi công cho người lao động thì báo cáo tiến độ, không được thoái thác.

4. Đối với các vi phạm trong lĩnh vực kế toán số báo cáo lý theo quy định tại Nghị định 185/2004/NĐ-CP ngày 04/11/2004 và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán của mình.

5. Các Phó Tổng Giám đốc, trưởng các phòng ban chức năng và thành viên khác Công ty nêu vi phạm các quy định quản lý của Nhà nước và quy định của Công ty thì tùy mức độ vi phạm và đặc điểm thu nhập quản lý mà Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc quyết định các hình thức kỷ luật thích đáng.

Chương VI

Điều khoản thi hành

Điều 47.

Quy ch  tài chính c a Công ty do T ng Gi m đ c Công ty xây d ng và H i đ ng qu n tr  Công ty ban hành. Tr ng h p c n b  sung, s a đ i quy ch  tài chính c a Công ty, T ng Gi m đ c Công ty ph i trình H i đ ng qu n tr  Công ty ký s a đ i b  sung.

Trên c  s  các quy đ nh c a quy ch  tài chính này, các công ty con, công ty liên k t xây d ng quy ch  tài chính c  th  c a đ n v  mình.

Các công ty con, công ty liên k t ho t đ ng theo Đ u k  và Quy ch  tài chính c a Công ty mình. Công ty xem xét Quy ch  tài chính c a các Công ty này thông qua Ng i đ i di n ph n v n c a Công ty.

Đ u 48.

Ngoài nh ng quy đ nh trên đây, Công ty CP Thanh Hoa S ng đ  và các Công ty con, Công ty liên k t c a Công ty ph i th c hi n đ y đ  các quy đ nh v  qu n l  tài chính hi n hành c a Nhà n c.

Tr ng h p đ u kho n nào trong quy ch  này khác v i quy đ nh c a Ph p lu t nhà n c thì th c hi n theo quy đ nh cu  Ph p lu t.

Đ u 49.

Quy ch  tài chính này c  hi u l c thi hành k  t  ngày đ c H i đ ng qu n tr  Công ty phê duy t và thay th  cho Quy ch  tài chính c a Công ty S ng Đ  ban hành kèm theo Quy t đ nh s  49 ngày 23/02/2006 H i đ ng qu n tr  Công ty./.